

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1806 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO TUẦN**Kết quả hoạt động Ban chỉ đạo triển khai Chiến dịch tiêm chủng
vắc xin phòng COVID-19***(Từ 16h00 ngày 05/11/2021 đến 16h00 ngày 12/11/2021)*

Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo triển khai Chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 báo cáo kết quả hoạt động tuần *(Từ 16h00 ngày 05/11/2021 đến 16h00 ngày 12/11/2021)* như sau:

I. Tình hình triển khai hoạt động**1. Công tác tiếp nhận, vận chuyển và bảo quản vắc xin**

a) Số lượng vắc xin tiếp nhận trong tuần: 5.889.820 liều, trong đó:

- 1.699.400 liều vắc xin AstraZeneca, bao gồm: (1) 30.000 liều do Chính phủ Latvia viện trợ; (2) 1.669.400 liều mua bằng nguồn Ngân sách nhà nước thông qua Công ty VNVC.

- 4.190.920 liều vắc xin Moderna từ nguồn COVAX Facility.

b) Hoạt động đã triển khai

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã phân bổ trong thời gian từ 06/11 đến 12/11/2021 là 6.328.300 liều. Số vắc xin đang chờ phê duyệt là 13.529.670 liều, bao gồm 2.210.070 liều vắc xin AstraZeneca, 10.000.000 liều Vero Cell và 1.319.600 liều Moderna, dự kiến sẽ được phân bổ trong tuần từ 13/11/2021 đến 19/11/2021.

c) Số lượng vắc xin hiện đang bảo quản tại các Quân khu, Viện khu vực

- Tổng số vắc xin hiện đang bảo quản tại các khu vực là 15.669.850 liều, số vắc xin này vẫn tiếp tục được Dự án Tiêm chủng mở rộng các khu vực phối hợp với các Quân khu vận chuyển đến các tỉnh/thành từ ngày 13/11/2021 đến 18/11/2021.

- Số lượng vắc xin đang bảo quản tại các Quân khu, Viện khu vực (tính đến ngày 22/10/2021):

Cơ quan	Số lượng vắc xin đang bảo quản tại kho đơn vị				
	Pfizer	Moderna	AstraZeneca	Sinopharm	Khác
Văn phòng TCQG		1.319.600	2.210.070		Vero Cell: 10.000.000 liều
Viện VSDT TW – TCMR miền Bắc	1.300.920	1.120	74.000	93.600	
Viện VSDT Tây Nguyên					

– TCMR Tây Nguyên					
Viện Pasteur TP. HCM – VPTCMR miền Nam	332.030		253.710	9.500	
Viện Pasteur Nha Trang – Văn phòng TCMR miền Trung	105.300				
Quân khu 1-9 và Bộ Tư lệnh Thủ đô	<i>Đã chuyển hết vắc xin</i>				
Tổng số	1.738.250	1.320.720	2.537.780	103.100	10.000.000

2. Công tác tiêm chủng

a) Tổng số điểm tiêm tại các tỉnh/thành phố: 8.078 điểm tiêm (*Số liệu cập nhật lúc 16h00 ngày 12/11/2021 theo hệ thống Cổng thông tin tiêm chủng COVID-19*).

b) Tổng số mũi tiêm cộng dồn là 96.557.452 mũi (*Cập nhật theo số liệu của Tiểu ban Tiêm chủng, tính đến 16h00 ngày 11/11/2021*), số mũi tiêm trong tuần là 10.237.644 mũi (*Tăng 2.858.239 mũi so với tuần trước*).

c) Tổng số đối tượng đăng ký tiêm trên hệ thống là 12.390.742 lượt (*Tính đến 24h00 ngày 11/11/2021, tăng 999.847 lượt so với tuần trước*).

d) Số liệu vắc xin theo địa phương: Do Tiểu ban Tiêm chủng (Cục Y tế dự phòng – Bộ Y tế) cung cấp, chi tiết tại Phụ lục 1.

3. Công tác an toàn tiêm chủng

a) Số đối tượng phản ứng sau tiêm: 48.055 trường hợp phản ứng thông thường (*Tăng 100.114 trường hợp so với tuần trước*); 14 trường hợp phản ứng nặng (*Giảm 3 trường hợp so với tuần trước*).

b) Công tác xử lý phản ứng sau tiêm: Tiếp tục tổ chức tiên hành giám sát an toàn tiêm chủng tại một số cơ sở tiêm chủng.

4. Công tác giám sát chất lượng vắc xin

Tiếp tục triển khai công tác giám sát chất lượng vắc xin tại các kho bảo quản và các điểm tiêm.

5. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông

5.1. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin

- Tiếp tục cập nhật các dữ liệu trên ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác tiêm chủng:

+ Ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử: Số lượng đăng ký ứng dụng lũy kế đến 24h00 ngày 11/11/2021 là 27.115.290 lượt đăng ký app.

+ Hệ thống Tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19: Tính đến 24h00 ngày 11/11/2021 đã triển khai 94.590.104 mũi tiêm trên hệ thống/ 95.608.991 mũi thực tế tương đương 98,93%.

+ Cổng thông tin tiêm chủng COVID-19 (tiemchungcovid19.gov.vn): Tính đến 24h00 ngày 11/11/2021 ghi nhận 12.390.742 lượt đăng ký tiêm của người dân và doanh nghiệp qua cổng.

- Các hoạt động đã triển khai trong tuần:

+ Ban hành công văn số 863/CNTT-DLYT ngày 06/11/2021 về việc đơn đốc triển khai xác minh thông tin và tiêm chủng vắc xin COVID-19.

+ Trình Lãnh đạo Bộ ban hành công văn 9458/BYT-CNTT ngày 05/11/2021 hướng dẫn quy trình xử lý phản ánh thông tin tiêm chủng.

+ Tổ chức Hội nghị quán triệt Quy trình phối hợp giữa ngành Y tế, ngành Công an trong việc xác minh thông tin công dân của người dân được tiêm vắc xin phòng COVID-19 ngày 08/11, ngày 09/11/2021.

5.2. Công tác truyền thông

- Đăng tải thông tin về vấn đề tiếp cận và phân bổ vắc xin: Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã tiếp xã giao Bộ trưởng Ngoại giao Australia Marise Payne nhân dịp sang thăm Việt Nam: Australia nâng tổng số vaccine hỗ trợ Việt Nam lên 7,8 triệu liều; Việt Nam cán mốc 90 triệu liều vắc xin đã được tiêm; VN là một trong 20 nước có số liều vaccine tiêm chủng nhiều nhất; tiến độ tiêm chủng tại Hà Nội, TPHCM, Thừa Thiên – Huế, Nghệ An, Phú Thọ, Đồng Nai, Hải Phòng, Thái Bình, Điện Biên, Bạc Liêu; Việt Nam là một trong 20 nước trên thế giới có số liều vaccine tiêm chủng nhiều nhất; Cung cấp thông tin Bộ Y tế phê duyệt sử dụng có điều kiện vaccine COVAXIN của Ấn Độ; Livestream Tọa đàm thứ 2 với chủ đề "Vắc xin tốt nhất là vắc xin được tiêm sớm nhất: Hãy đi tiêm khi đến lượt!" đã phát sóng vào 20h ngày 5/11 và tiếp cận được với 159.690 lượt người, đạt 79.488 lượt xem video.

- Đăng tải các thông tin về vấn đề tiêm vắc xin cho trẻ em: Dự kiến trong tháng 11-12/2021, Việt Nam sẽ tiếp tục nhận số lượng lớn vaccine phòng COVID-19 và phân bổ để tiêm chủng đủ 2 liều vaccine cho toàn bộ người từ 12 tuổi trở lên; Tổ chức báo chí đưa tin về Hội nghị giữa Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo về các biện pháp bảo đảm an toàn cho trẻ em tới trường, trong đó có việc tiêm chủng; bàn giao thiết bị bảo quản vắc xin do UNICEF tài trợ; Hướng dẫn cách xác thực thông tin tiêm chủng vaccine COVID-19 của người dân; Những dấu hiệu cần chú ý khi theo dõi trẻ sau tiêm; Dinh dưỡng cho trẻ trước và

sau khi tiêm vaccine, Vaccine Pfizer cho trẻ 5-11 tuổi đóng nắp màu cam để tránh nhầm lẫn; Xây dựng bộ Thông điệp phát thanh về Chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ em từ 12 - 17 tuổi để cung cấp cho các địa phương, đơn vị thực hiện truyền thông.

- Cung cấp thông tin hàng ngày về tiến độ tiêm chủng tại Việt Nam.

II. Khó khăn, tồn tại

Không có.

III. Đề xuất, kiến nghị

Không có.

Nơi nhận:

- Đồng chí Bộ trưởng BHYT (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng BHYT (để báo cáo);
- Các Bộ: QP, CA, TTTT, GTVT;
- Cục Quân y, BQP;
- Vụ, Cục: DP, KCB, QLD, CNTT, TT-KT;
- Các Viện VSĐT/Pasteur;
- Lưu: VT, VPB1.

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG BỘ**



**Hà Anh Đức
Phó Chánh Văn phòng Văn phòng
thường trực Ban chỉ đạo triển khai
Chiến dịch tiêm chủng vắc xin
phòng COVID-19 toàn quốc**

Phụ lục 1: Số liệu vắc xin theo địa phương

TT	Tỉnh/thành phố	KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG				PHẢN ỨNG SAU TIÊM	
		TRONG TUẦN		CỘNG ĐỒN (22 ĐỢT)		CỘNG ĐỒN (22 ĐỢT)	
		Số tiêm MŨI 1	Số tiêm MŨI 2	Số tiêm MŨI 1	Số tiêm MŨI 2	Thông thường	Tai biến nặng
I. Số lượng của 63 tỉnh, thành phố							
1	Hà Nội	19.315	512.295	5.304.197	4.034.544	161.494	187
2	Hải Phòng	604.376	61.999	1.513.084	446476	28.460	28
3	Thái Bình	212.001	1.792	906.250	123939	78.900	2
4	Nam Định	126.868	35.263	723.340	141386	33.431	1
5	Hà Nam	6.633	137.174	568.006	456809	145.288	1
6	Ninh Bình	35	94.117	619.250	450477	7.476	2
7	Thanh Hóa	137.149	144.101	1.319.498	297723	15.338	2
8	Bắc Giang	94.784	73.257	1.010.461	486389	14.217	15
9	Bắc Ninh	27.327	86.425	1.075.628	646.668	36.451	7
10	Phú Thọ	149.834	34.564	862.884	132951	3.406	22
11	Vĩnh Phúc	16.504	23.630	755.543	234262	15.725	176
12	Hải Dương	83.424	75.888	1.002.211	472852	70.207	36
13	Hưng Yên	50.009	20.545	800.527	302.796	5.826	0
14	Thái Nguyên	55.576	1.775	618.599	99228	16.436	61
15	Bắc Cạn	8.452	17.779	175.661	49571	14.095	0
16	Quảng Ninh	118.606	21.800	1.090.998	901213	8.912	43
17	Hòa Bình	1.686	6.949	441.872	99.297	13.206	2
18	Nghệ An	400.074	244.478	1.467.020	397554	6.311	22
19	Hà Tĩnh	132.033	50.884	690.286	257498	10.999	10
20	Lai Châu	6.469	40.695	241.451	83421	9.401	0
21	Lạng Sơn	24.683	13.225	507.510	409886	1.890	1
22	Tuyên Quang	117.539	10.344	388.362	56893	17.538	3

23	Hà Giang	53.647	11.376	411.078	81893	5.387	0
24	Cao Bằng	45.184	27.797	224.965	125294	40.801	54
25	Yên Bái	2.244	9.674	485.311	311322	3.492	0
26	Lào Cai	9.176	84.091	422.755	176480	4.318	1
27	Son La	17.715	12.640	350.919	98704	13.054	57
28	Điện Biên	0	0	299.362	91.136	7.574	2
29	Quảng Bình	50.349	9.726	475.854	77341	7.729	31
30	Quảng Trị	8.639	48.111	406.859	124310	8.456	0
31	Thừa Thiên Huế	60.575	3.714	646.995	96692	3.060	5
32	Đà Nẵng	949	144.375	894.175	401613	40.666	4
33	Quảng Nam	96.368	28.343	940.149	152466	20.062	0
34	Quảng Ngãi	60.280	8.589	775.698	123188	4.165	8
35	Bình Định	16.085	49.494	781.211	289027	1.763	1
36	Phú Yên	34.458	10.091	571.802	184570	1.543	1
37	Khánh Hòa	5.815	90.983	937.084	852715	3.778	16
38	Ninh Thuận	2.736	49.398	412.397	137498	119	1
39	Bình Thuận	39.954	82.234	734.468	212318	1.133	1
40	Kon Tum	13.757	616	291.988	52985	2.719	4
41	Gia Lai	121.467	5.522	684.844	91492	3.835	1
42	Đắk Lắk	219.170	1.719	1.102.363	131.348	8.088	1
43	Đắk Nông	11.087	19.464	395.919	76740	6.335	0
44	TP Hồ Chí Minh	66.637	117.666	7.848.380	5.894.955	216.119	5
45	Bà Rịa Vũng Tàu	7.630	199.349	942.363	453737	5.166	2
46	Đồng Nai	109.822	242.616	2.612.108	2018141	28.371	29
47	Tiền Giang	80.567	109.985	1.256.274	496397	5.734	22
48	Long An	3.159	92.469	1.475.230	1383868	5.674	1
49	Lâm Đồng	26.764	195.585	933.256	536458	4.629	4
50	Tây Ninh	43.493	172.197	880.340	548780	50.078	0
51	Cần Thơ	6.529	49.582	892.257	319048	6.262	0
52	Sóc Trăng	35.944	107.143	756.070	192742	1.224	0
53	An Giang	25.381	366.866	1.302.315	552930	8.274	1

54	Bến Tre	56.831	183.870	771.351	434829	651	6
55	Trà Vinh	0	221.362	505.062	304125	9.853	1
56	Vĩnh Long	90.277	65.927	833.332	258516	1.118	2
57	Đồng Tháp	33.431	395.156	837.474	636079	4.421	4
58	Bình Dương	5.753	101.970	2.371.862	1.712.573	107.010	0
59	Bình Phước	100.960	320.029	670.636	440946	22.411	0
60	Kiên Giang	72.277	171.862	1.153.593	565893	1.598	22
61	Cà Mau	113.806	133.839	846.065	264738	2.828	6
62	Bạc Liêu	46.752	179.388	547.174	295220	3.708	0
63	Hậu Giang	128.455	42.599	599.369	91799	870	0
	Tính theo khu vực						
1	Miền Bắc	2.521.343	1.854.557	24.277.028	11.466.662	789.633	735
2	Miền Trung	376.208	525.058	7.576.692	2.651.738	92.474	68
3	Tây Nguyên	365.481	27.321	2.475.114	352.565	20.977	6
4	Miền Nam	1.054.468	3.469.460	28.034.511	17.401.774	485.999	105
	Tổng cộng (1)	4.317.500	5.876.396	62.363.345	31.872.739	1.389.083	914
	BV/Viện/Trường (2)	8.608	16.819	695.274	565.402	20.811	40
	Bộ Y tế (1+2)	4.326.108	5.893.215	63.058.619	32.438.141	1.409.894	954
	Bộ Công an (3) ^{1 2}	0	0	54.216	34.997	10.184	1
	Bộ Quốc phòng (4)	361	17.960	569.333	402.146	0	0
	TOÀN QUỐC (1+2+3+4)	4.326.469	5.911.175	63.682.168	32.875.284	1.420.078	955

¹ Số liệu mũi tiêm và phản ứng sau tiêm (Từ 16h00 ngày 05/11/2021 đến 16h00 ngày 12/11/2021) của Bộ Công an riêng trên địa bàn Hà Nội;

² Tính đến ngày 12/11/2021, Bộ Công an đã tiêm tổng số 634.681 liều vắc xin, trong đó bao gồm 394.657 liều tiêm mũi 1; 240.024 liều tiêm mũi 2.